

Bản án số: 63/2022/DS-ST
Ngày: 05 - 7 - 2022
V/v: “Tranh chấp dân sự
về Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH A**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn H.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn H.

2. Ông Phạm Quốc H.

- Thư ký phiên tòa: bà Đặng Huỳnh H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: bà Phan Thị Dáng H - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2022/TLST-DS ngày 17/3/2022 về việc “Tranh chấp dân sự - Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2022/QĐXX-DS ngày 26/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 130/2022/QĐST-DS ngày 14/6/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Đỗ Thị Kim L , sinh năm 1972. (có mặt).

Địa chỉ: ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Đ .

2. Bị đơn: ông Trần Văn A , sinh năm 1976. (vắng mặt).

Địa chỉ: số 563, ấp V, xã V , huyện T , tỉnh A .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 17/5/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim L trình bày: do chỗ quen biết nên ngày 18/7/2019, bà L có cho ông Trần Văn A vay 122.000.000 đồng để đáo nợ ngân hàng. Khi vay tiền, ông Trần Văn A có lăn tay vào biên nhận mượn tiền ngày 18/7/2019 nhưng không thỏa thuận lãi suất và cũng không thế chấp tài sản. Thời hạn trả đến ngày 29/10/2021 (âm lịch), nhưng đến hạn trả nợ ông A vẫn không thực hiện. Mặc dù bà L nhiều lần đến nhà yêu cầu ông A

thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông né tránh và chặn các cuộc điện thoại của bà L. Nay bà Đỗ Thị Kim L. yêu cầu ông Trần Văn A có trách nhiệm trả cho bà L số tiền vay 122.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Trần Văn A vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về thủ tục tố tụng:* qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm hiện tại, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như: xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không lý do nên đã tự từ bỏ quyền của mình.

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* qua xem xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tuyên: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 122.000.000 đồng.

Về lãi suất: không xem xét.

Về án phí sơ thẩm: bị đơn phải chịu nộp phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: đây là “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Trần Văn A có địa chỉ tại xã V, huyện T, tỉnh A nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Trần Văn A đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa. Tuy nhiên, các lần triệu tập ông A đều vắng mặt, không lý do. Do vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông A theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung: bà Đỗ Thị Kim L. yêu cầu ông Trần Văn A có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền 122.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Chứng cứ nguyên đơn đưa ra là Biên nhận mượn tiền được lập ngày 18/7/2019 do ông Trần Văn A điểm chỉ, với nội dung bà Đỗ Thị Kim L. có đưa cho ông Trần Văn A mượn với

tổng số tiền 122.000.000 đồng (một trăm hai mươi hai triệu đồng) để đáo nợ ngân hàng, chuộc bằng khoán và sổ hộ khẩu...

[4] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý, Thông báo hòa giải, triệu tập hợp lệ ông Trần Văn A để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; đồng thời đối chiếu nợ. Ông Trần Văn A trực tiếp nhận Thông báo thụ lý vụ án nhưng đến giai đoạn hòa giải thì ông A vắng mặt tại địa phương.

Qua xác minh tại Công an xã V, huyện T, tỉnh A thì ông Trần Văn A có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp V, xã V, huyện T, tỉnh A nhưng hiện không có mặt tại nơi cư trú mà không rõ thời điểm trở về; không rõ địa chỉ nơi cư trú mới. Do đó, Tòa án tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông A vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không lý do và cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số nợ 122.000.000 đồng.

[5] Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng, hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn thực tế có xảy ra, được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên hợp đồng hợp pháp và có hiệu lực từ thời điểm giao kết. Bị đơn ông Trần Văn A đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà L căn cứ vào Biên nhận mượn tiền ngày 18/7/2019 yêu cầu ông A trả số tiền 122.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về lãi suất: nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất. Xét, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Trần Văn A bị buộc trả số tiền nêu trên nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Bà Đỗ Thị Kim L không phải chịu án phí nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 122.00.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim L.

1.1. Buộc ông Trần Văn A có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị Kim L số tiền 122.000.000 đồng (một trăm hai mươi hai triệu đồng).

1.2. Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Văn A phải chịu 6.100.000 đồng (sáu triệu một trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Đỗ Thị Kim L không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí là 3.050.000 đồng (ba triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng), đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0009025, ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh A.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh A ;
- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Trần Văn H